

THỰC TRẠNG SINH VIÊN TỐT NGHIỆP TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG TỪ NĂM 2011 ĐẾN NĂM 2015, CÔNG TÁC TRONG LĨNH VỰC TDTT Ở MỘT SỐ TỈNH MIỀN TRUNG

TS. Nguyễn Văn Long

Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng

Tóm tắt: Nhận thức sâu sắc về việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới, trong những năm qua Trường đại học TDTT Đà Nẵng đã phát huy nội lực và tranh thủ sự hỗ trợ từ bên ngoài đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng hiện đại, tích cực và kết quả đạt được trong đào tạo là quan trọng, song chưa bền vững.

Từ khóa: Thực trạng, sinh viên, tốt nghiệp, công tác, lĩnh vực TDTT, miền Trung.

Abstract: Get deep about training resources of resources to meet requirements in new situations, in the past years, Danang University of Physical Training and Sports has brought into full play its strengths and support the external winners have done many Aptitude to a Quality of the training created by the instructions, a pole and connected that are found in the training, important.

Keywords: Current status, students, graduates, work, sports field, central.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng, tiền thân là trường Trung học TDTT Trung ương III, được thành lập ngày 13 tháng 12 năm 1977, được nâng cấp thành trường Cao đẳng TDTT Đà Nẵng năm 1997 và được Thủ tướng Chính phủ quyết định thành trường Đại học TDTT III Đà Nẵng ngày 25 tháng 4 năm 2007. Đến ngày 21 tháng 02 năm 2008, theo Quyết định số 720/QĐ-BVHTTDL của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, trường được đổi tên thành Trường Đại học TDTT Đà Nẵng. Năm 2011, sinh viên Đại học chính quy khóa đầu tiên của nhà trường đào tạo chính thức tốt nghiệp ra trường và đến năm 2015 thì đã có 5 khóa tiếp theo ra trường, song số lượng sinh viên ra trường đó có được bao nhiêu em làm trong lĩnh vực thể dục thể thao? Để tìm hiểu con số thực từ vấn đề này luôn là nỗi trăn trở của đội ngũ cán bộ giảng viên nhà trường.

Nhận thức sâu sắc về việc đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng với yêu cầu trong tình hình mới, trong những năm qua Trường Đại học TDTT Đà Nẵng đã phát huy nội lực và tranh thủ sự hỗ trợ từ bên ngoài đã thực hiện nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng hiện đại, tích cực. Kết quả đạt được là quan trọng, song chưa bền vững. Từ vấn đề này, nhìn từ nhiều góc độ khác nhau và mỗi người có một quan điểm riêng. Từ vấn đề nêu trên nó không nằm ngoài sự quan tâm, suy nghĩ của của bản thân. Vì vậy, tôi nghiên cứu đánh giá: “*Thực trạng sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học TDTT Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015, công tác trong lĩnh vực TDTT ở một số tỉnh Miền trung*”.

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi sử dụng các nhóm phương pháp sau: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp phỏng vấn, tọa đàm; phương pháp điều tra xã hội học và phương pháp toán học thống kê.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp trường Đại học TDTT Đà Nẵng ở 4 tỉnh từ năm 2011 đến năm 2015

Kết quả nghiên cứu đề tài đã thống kê được số lượng sinh viên tốt nghiệp ở trường Đại học

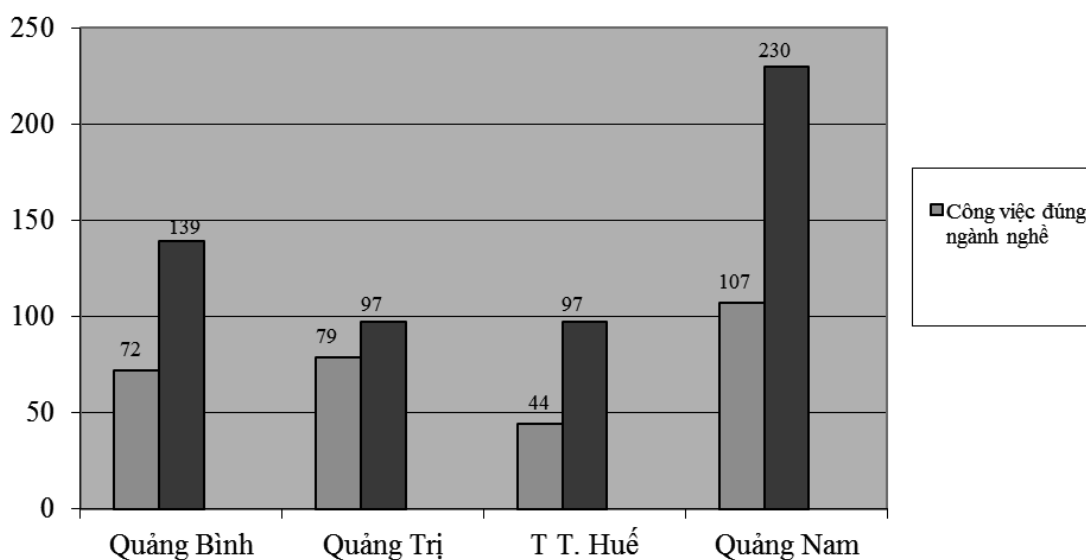
TDTT Đà Nẵng có việc làm đúng ngành nghề đào tạo ở 4 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Quảng Nam từ năm 2011 đến năm 2015, được trình bày ở Bảng 1

Bảng 1. Thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp trường Đại học TDTT Đà Nẵng từ năm 2011 - 2015

Tình hình công việc		Quảng Bình	Quảng Trị	T.T. Huế	Quảng Nam	Σ
Tổng số sinh viên tốt nghiệp		211	176	141	316	844
Công việc đúng ngành nghề	n	72	79	44	107	302
	Tỷ lệ %	34,13	44,88	31,20	33,85	35,78
Chưa có việc làm hoặc có việc làm không đúng ngành nghề	n	139	97	97	230	542
	Tỷ lệ %	65,87	55,11	68,79	72,78	64,22
X²		21,80	1,84	20,53	32,92	68,25
P		< 0,001	> 0,005	< 0,001	< 0,001	< 0,001

Qua Bảng 1 cho thấy sinh viên ở các tỉnh chưa có việc làm hoặc có việc làm chưa đúng ngành nghề đào tạo ($P < 0,001$) ngoại trừ tỉnh Quảng Trị ($P > 0,005$), chiếm 55,11% đến

72,78% ở các tỉnh khảo sát và 68,25% nhìn chung cả 4 tỉnh. Để làm rõ hơn kết quả trên chúng tôi tiến hành biểu diễn bằng Biểu đồ 1.



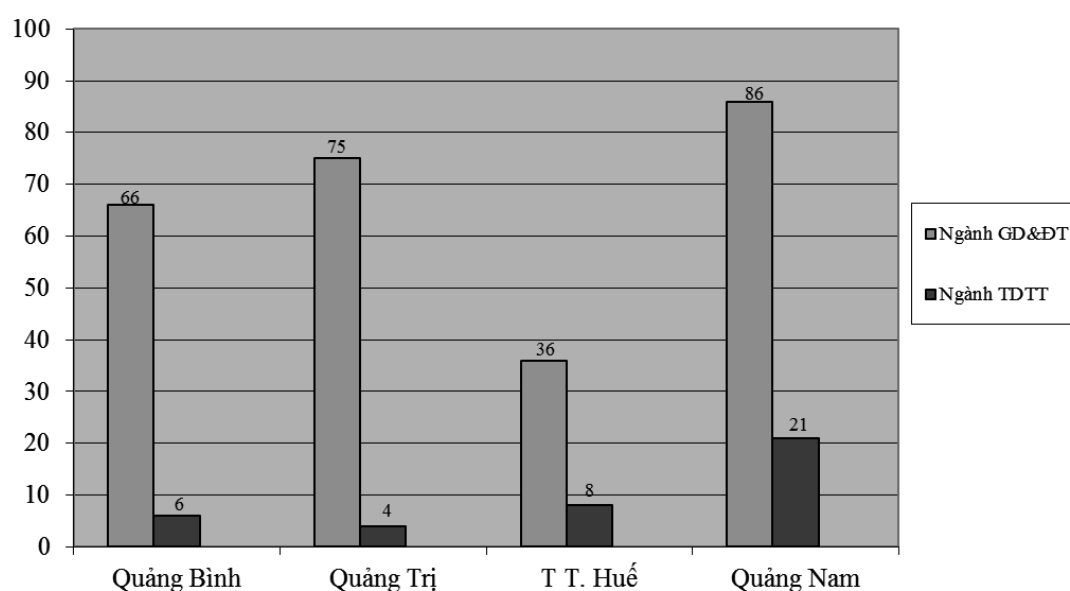
Biểu đồ 1. Thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp trường Đại học TDTT Đà Nẵng từ năm 2011 - 2015

Qua Bảng 2 cho thấy sinh viên tốt nghiệp ra trường làm ở ngành GD&ĐT là chủ yếu chiếm từ 80,37% đến 94,94% ở 4 tỉnh khảo sát

và tính chung là 87,09%. Điều đó được minh chứng qua chỉ số X^2 với $P < 0,001$. Để có cái nhìn tổng thể kết quả trên chúng tôi tiến hành biểu diễn bằng Biểu đồ 2.

Bảng 2. Thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp trường Đại học TDDT Đà Nẵng làm việc đúng ngành nghề đào tạo trong các lĩnh vực khác nhau

Nơi làm việc		Quảng Bình	Quảng Trị	T.T. Huế	Quảng Nam	Σ
Ngành GD&ĐT	n	66	75	36	86	263
	Tỷ lệ %	91,67	94,94	81,82	80,37	78,09
Ngành TDDT	n	06	04	08	21	39
	Tỷ lệ %	8,33	5,06	18,18	19,63	12,91
Σ		72	79	44	107	302
X^2		50	61	18	38	166
P		< 0,001				



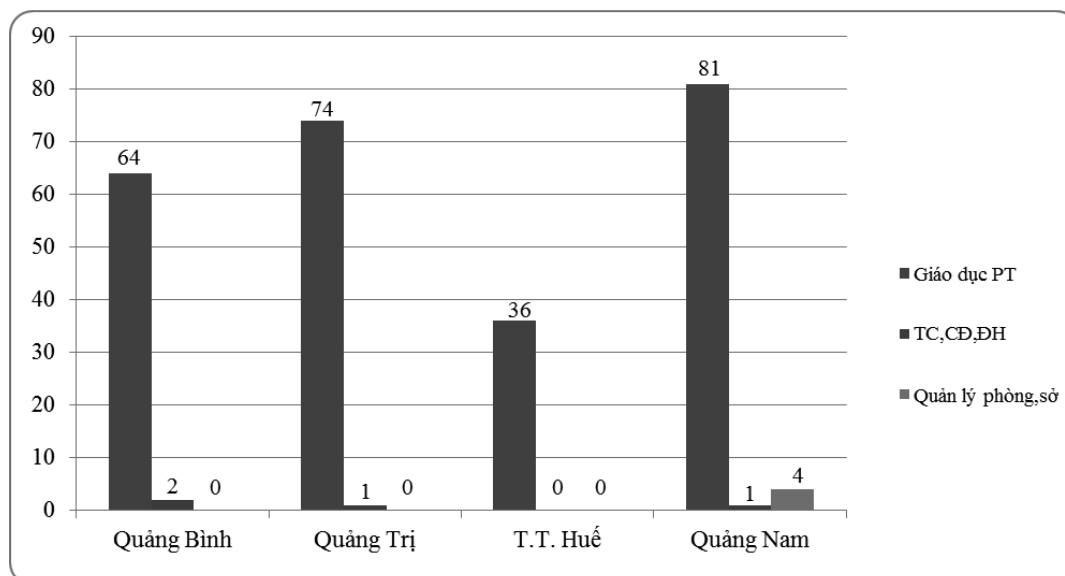
Biểu đồ 2. Thực trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp trường Đại học TDDT Đà Nẵng làm việc đúng ngành nghề đào tạo trong các lĩnh vực khác nhau

Bảng 3. Thực trạng sinh viên tốt nghiệp Đại học TDDT Đà Nẵng công tác trong lĩnh vực đào tạo

Nơi công tác		Quảng Bình	Quảng Trị	T.T. Huế	Quảng Nam	Σ
Tổng	N	66	75	36	86	263
Giáo dục phổ thông	n	64	74	36	81	255
	Tỷ lệ %	96,97	98,67	100	94,19	96,96
TC, CĐ, ĐH	n	02	01	00	01	04
	Tỷ lệ %	3,03	1,33	00	1,16	1,52
Quản lý phòng, sở	n	00	00	00	04	04
	Tỷ lệ %	00	00	00	4,65	1,52
X^2		58	36	72	65	227
P		< 0,001				

Qua Bảng 3 cho thấy sinh viên tốt nghiệp trong ngành GD&ĐT chủ yếu là các khối giáo dục phổ thông, chiếm tỷ lệ ở các tỉnh là từ 94,19 đến 100% và nhìn chung cả 4 tỉnh là 96,96, còn làm ở các trường Trung cấp, Cao

đẳng và Đại học cũng như ở các công ty quản lý GD&ĐT coi như không đáng kể ($P < 0,001$). Để làm rõ hơn kết quả trên chúng tôi tiến hành biểu diễn bằng Biểu đồ 3.



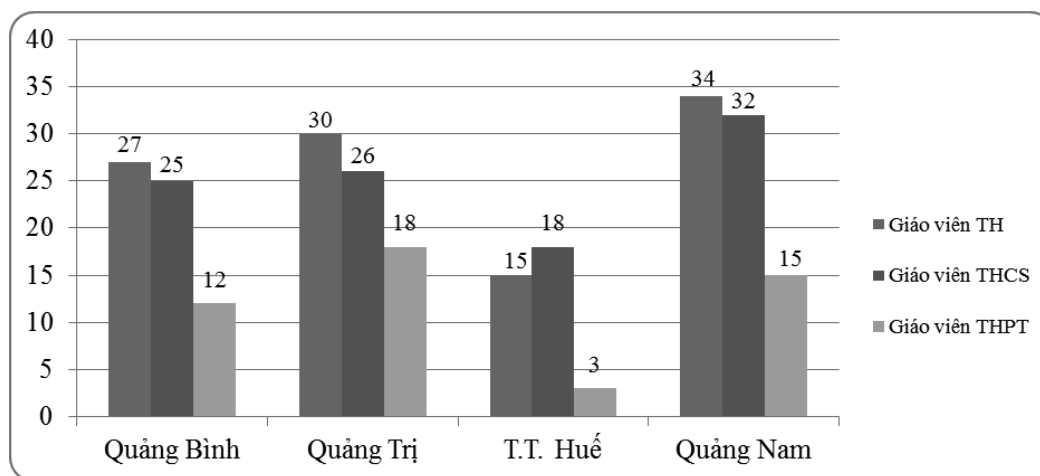
Biểu đồ 3. Thực trạng sinh viên tốt nghiệp Đại học TDDT Đà Nẵng công tác trong lĩnh vực đào tạo

Bảng 4: Thực trạng sinh viên tốt nghiệp Đại học TDDT Đà Nẵng công tác ở các trường phổ thông

Nơi công tác		Quảng Bình	Quảng Trị	T.T. Huế	Quảng Nam	Σ
Tổng	N	66	74	36	81	255
Giáo viên tiểu học	n	27	30	15	34	106
	Tỷ lệ %	42,19	40,54	41,67	41,98	41,57
Giáo viên trung học cơ sở	n	25	26	18	32	101
	Tỷ lệ %	39,06	35,14	50,00	39,50	39,61
Giáo viên trung học phổ thông	n	12	18	03	15	48
	Tỷ lệ %	18,75	24,32	8,33	18,52	18,82
X²		6,21	3,03	9,04	8,07	24,31
P		< 0,05	> 0,05	< 0,01	< 0,01	< 0,01

Qua Bảng 4 cho thấy sinh viên tốt nghiệp Đại học TDDT Đà Nẵng ra làm việc trong các trường phổ thông, chủ yếu là các trường tiểu học và trung học cơ sở ($P < 0,05$), ngoại trừ tỉnh Quảng Trị là khá cân đối trong ba cấp ($P > 0,05$). Sinh viên tốt nghiệp công tác ở các trường tiểu học chiếm 40,54% đến 42,19% ở các tỉnh và chung là 41,57% trong số các sinh viên tốt nghiệp làm việc ở các trường tiểu học.

Còn ở trung học cơ sở là từ 35,14% đến 50% và chung là 39,61% trong số sinh viên tốt nghiệp làm việc ở các trường trung học cơ sở. Còn ở các trường trung học phổ thông, sinh viên tốt nghiệp ra trường ít hơn, chiếm từ 8,33% đến 24,32% và chung cho cả 4 tỉnh là 18,82%. Để làm sáng tỏ kết quả trên chúng tôi tiến hành biểu diễn bằng Biểu đồ 4.



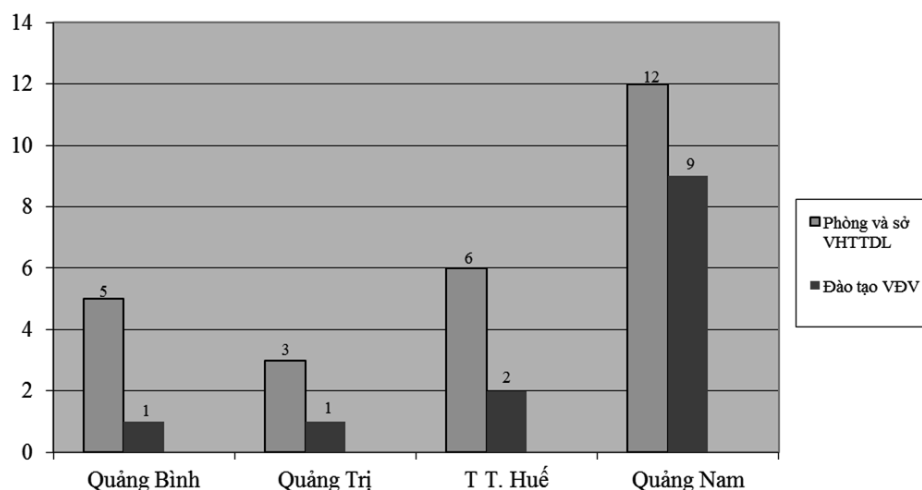
Biểu đồ 4. Thực trạng sinh viên tốt nghiệp Đại học TDTT Đà Nẵng công tác trong lĩnh vực đào tạo

Bảng 5: Thực trạng sinh viên tốt nghiệp Đại học TDTT Đà Nẵng làm việc trong các ngành TDTT

Cơ sở làm việc		Quảng Bình	Quảng Trị	T.T. Huế	Quảng Nam	Σ
Phòng và Sở VH, TT, DL	n	05	03	06	12	26
	Tỷ lệ %	83,33	75,0	75,0	57,14	66,67
Đào tạo VĐV	n	01	01	02	09	13
	Tỷ lệ %	16,67	25,0	25,0	42,86	33,33
Σ		06	04	08	21	39
X ²		1,5	0,25	1,13	0,19	4,33
P		> 0,05	> 0,05	> 0,05	> 0,05	< 0,05

Qua Bảng 5 cho thấy sinh viên tốt nghiệp Đại học TDTT Đà Nẵng làm việc trong ngành TDTT thì khiếm tốt hơn, nhìn chung ở cả 4 tỉnh chỉ chiếm 12,91% (Bảng 2) và làm ở các phòng hoặc sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là chủ yếu chiếm đến 66,67% và hoàn toàn có ý nghĩa

thống kê so với số sinh viên làm ở lĩnh vực đào tạo vận động viên. Khi nhìn tổng thể ở cả 4 tỉnh ($P < 0,05$), nhưng nhìn riêng ở từng tỉnh thì chẳng có sự khác biệt đáng kể ($P > 0,05$). Để làm rõ hơn kết quả trên chúng tôi tiến hành biểu diễn bằng Biểu đồ 5.



Biểu đồ 5. Thực trạng sinh viên tốt nghiệp Đại học TDTT Đà Nẵng làm việc trong các ngành TDTT

KẾT LUẬN

Qua đánh giá thực trạng trong 5 năm qua (2011- 2015) cho thấy, số lượng sinh viên ở 4 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế và Quảng Nam học ở trường Đại học TDTT Đà Nẵng tốt nghiệp ra trường 844 em chiếm trên 52,78% tổng số sinh viên tốt nghiệp toàn trường (1.599 em). Trong số đó lượng sinh viên của tỉnh Quảng Trị tốt nghiệp trong 5 năm có 176 em chiếm 11,0%, tỉnh Quảng Bình có 211 em chiếm 13,19%, tỉnh Thừa Thiên Huế có 141 em chiếm 8,81%, tỉnh Quảng Nam có 316 em

chiếm 19,76%, chứng tỏ đây là tiềm năng nguồn tuyển sinh hàng năm của nhà trường.

Thực trạng sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học TDTT Đà Nẵng từ năm 2011 đến năm 2015 ở 4 tỉnh Miền trung làm việc đúng ngành nghề cụ thể: Công tác trong lĩnh vực giáo dục đào tạo có 263 em chiếm 78,09%. Trong đó làm việc chủ yếu trong các trường tiểu học và trung học cơ sở có 207 em chiếm 81,17%, còn công tác trong lĩnh vực thể dục thể thao chỉ có 39 em chiếm 12,91%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chiến lược phát triển nhân lực Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020.
2. Chuẩn đầu ra Trường Đại học TDTT Đà Nẵng, Quyết định số 965/QĐ-TDTTĐN ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng.
3. Đề án phát triển trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng giai đoạn 2014-2020
4. Lưu Quang Hiệp và cộng sự (2013), Mô hình nguồn nhân lực Thể dục thể thao, Hội thảo khoa học cấp nhà nước Mã số: KX. 01.05/11-15.
5. Nguyễn Quang Vinh và cộng sự (2013), Thực trạng sinh viên tốt nghiệp trường Đại học sư phạm TDTT Thành phố Hồ Chí Minh được tuyển dụng từ năm 2010-2012. Hội thảo khoa học cấp nhà nước Mã số: KX. 01.05/11-15.